TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 159/2020/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA

Căn cứ Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 228/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Chị Phạm Thị Ngọc T,** sinh năm 1975; ĐKHKTT và nơi ở: Phòng 302 Nhà C8 tập thể T, phường T, quận B, TP H.
- **Anh Lê Ngọc L,** sinh năm 1968; ĐKHKTT và nơi ở: P 1708 Nhà 101 L, phường L, quận Đ, TP H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Phạm Thị Ngọc T và anh Lê Ngọc L tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 24/01/2009 tại Ủy ban nhân thị trấn T, huyện H, TP N. Sau khi kết hôn chung sống tại P 1708 Nhà 101 L, phường L, quận Đ, TP H. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên cuộc sống chung không hạnh phúc.

Nay chị T và anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không thể nên chị T và anh L cùng đề nghị được Tòa án giải quyết ly hôn.

[2] Về con chung: Chị Phạm Thị Ngọc T và anh Lê Ngọc L có một con chung là Lê Trung T, sinh ngày 23/11/2003. Ly hôn, anh chị thỏa thuận giao anh L trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị T cho đến khi có yêu cầu hoặc có quyết định khác thay thế.

Chị Phạm Thị Ngọc T có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

[3] Về tài sản: Chị Phạm Thị Ngọc T và anh Lê Ngọc L không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về nợ: Chị Phạm Thị Ngọc T và anh Lê Ngọc L xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Chị Phạm Thị Ngọc T tự nguyện chịu cả 300.000đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn chị Phạm Thị Ngọc T và anh Lê Ngọc L.

- Về con chung: Chị Phạm Thị Ngọc T và anh Lê Ngọc L có một con chung là Lê Trung T, sinh ngày 23/11/2003. Giao anh L trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị T cho đến khi có yêu cầu hoặc có quyết định khác thay thế.

Chị Phạm Thị Ngọc T có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Chị Phạm Thị Ngọc T và anh Lê Ngọc L không yêu cầu Toà án giải quyết

- Về nợ: Chị Phạm Thị Ngọc T và anh Lê Ngọc L xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Phạm Thị Ngọc T tự nguyện chịu cả 300.000đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014069 ngày 19 tháng 3 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đ).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Thắng